

Số: 592 /NQ-HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 07 năm 2017.

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về việc đánh giá kết quả 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017)

Căn cứ Quyết định số 169/2004/QĐ - BCN ngày 09/12/2004 và Quyết định số 2722/QĐ - BCN ngày 25/5/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) chuyển Công ty Dệt May Huế thành Công ty Cổ phần Dệt May Huế;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May Huế;

Căn cứ Tờ trình số 590/TTr-DMH ngày 19/07/2017 của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế về việc sửa đổi Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần Dệt May Huế;

Căn cứ Biên bản cuộc họp HĐQT Công ty ngày 19/7/2017.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017:

- * Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành) thực hiện là 751 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch năm, tăng 4,4 % so với cùng kỳ năm 2016.
- * Doanh thu (không có VAT) thực hiện 814 tỷ đồng đạt 52% kế hoạch năm, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2016.
- * Kim ngạch xuất khẩu tính đủ thực hiện là 37,1 triệu USD đạt 44% kế hoạch năm, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2016.
- * Kim ngạch xuất khẩu thanh toán thực hiện là 29,7 triệu USD đạt 50% kế hoạch năm, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2016.
- * Tiết kiệm: Đã tiết kiệm được 2.572/4.300 trđ của Tập đoàn giao đạt 60%.
- * Lao động bình quân: 3.945 người. Tiền lương bình quân 6,3 trđ/người/tháng.
- * Lợi nhuận trước thuế ước thực hiện là: 29 tỷ đồng đạt 58% kế hoạch.
- * Nộp ngân sách: Nộp đủ các khoản ngân sách theo quy định pháp luật là 9,4 tỷ.

2. Công tác đầu tư: Được sự đồng ý của Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt các dự án đầu tư năm 2017 với tổng mức đầu tư là 157,2 tỷ đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 là 66,6 tỷ đồng, cụ thể:

- Đầu tư bổ sung, thay thế thiết bị các nhà máy May: 9,1 tỷ đồng.
- Đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao công suất hệ thống xử lý nước thải: 13 tỷ đồng.
- Đầu tư dự án "Xây dựng nhà máy May 4": 44,5 tỷ đồng bao gồm các gói thầu xây dựng cơ bản như: khung thép nhà chính, nhà ăn và các công trình phụ trợ khác...

Điều 2: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2017:

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành) là 814 tỷ đồng
- Doanh thu: 868 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu tính đủ: 38,5 triệu USD.
- Kim ngạch xuất khẩu thanh toán: 28,5 triệu USD.
- Kim ngạch nhập khẩu: 28,8 triệu USD.
- Lao động bình quân 3.932 người.
- Thu nhập bình quân 6,358 trđ/người/tháng.
- Sản lượng Sợi sản xuất: 7.200 tấn (Ne30).
- Sản lượng Vải: 400 tấn.
- Sản phẩm hàng dệt kim: 7,2 triệu sản phẩm.

- **Công tác đầu tư:** Đầu quý III sẽ triển khai hoàn thành dự án đầu tư bổ sung thiết bị Sợi. Trong 6 tháng cuối năm tiếp tục triển khai các dự án: Đầu tư bổ sung nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Dệt Nhuộm; Đầu tư bổ sung thiết bị may; Xây dựng các công trình chính của “Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy May 4”. Dự kiến các dự án trên hoàn thành khoản quý IV năm 2017.

Điều 3: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Quy chế Tài chính Công ty (Có tờ trình kèm theo).

Điều 4: Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Kế toán trưởng;
- Trưởng các đơn vị;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN BÁ QUANG

Số: 590 /TTr-DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 7 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi Quy chế tài chính Công ty

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dệt May Huế

Nhằm mục đích quản lý tài chính và đảm bảo phù hợp với chế độ hiện hành, kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét cho sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính của Công ty với các nội dung sau:

Điều 17. Quản lý hàng tồn kho:

1. Việc quản lý hàng tồn kho phải theo quy định hiện hành của nhà nước và tài liệu hệ thống quản lý chất lượng của Công ty theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển hoặc kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật để thu hồi vốn.

Điều 18. Quản lý các khoản nợ phải thu:

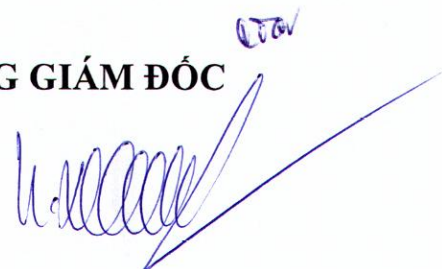
3. Trách nhiệm của Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu May:
 - c) Định kỳ 6 tháng, Trưởng phòng Kinh Doanh, Trưởng phòng Kế hoạch XNK May tổ chức đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và khả năng chấp hành các cam kết thanh toán công nợ của người mua, có văn bản báo cáo Tổng Giám đốc, đồng thời gửi đến phòng Tài chính Kế toán để phối hợp theo dõi, đôn đốc thu nợ.
 - d) (thêm) Khi một khách hàng (người mua) có dự nợ phải thu quá hạn liên tục trong 2 tháng, người bán hàng trực tiếp phải có văn bản báo cáo Tổng Giám đốc cụ thể từng món nợ, giá trị, thời hạn chậm thanh toán và đề xuất giải pháp thu hồi và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Tổng Giám đốc công ty.
6. (thêm) Đối với nợ không có khả năng thu hồi, đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật và tiếp tục tổ chức thu hồi. Kế toán công ty phải theo dõi nợ khó đòi đã xử lý và số tiền thu hồi được hạch toán theo quy định của Vụ Chế độ Kế toán - Bộ Tài Chính.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét và chấp thuận!

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC






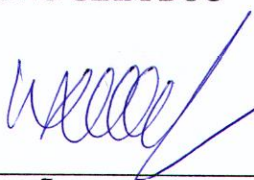
**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ**

KMH: TCKT-QC-02
Ngày hiệu lực: 01/8/2017
Lần soát xét: 01
Trang số: 1 / 16

| PHÂN PHỐI | | | | |
|------------------|--------------------------|--------------------------|---------------|----------------|
| STT | Bộ phận/Đơn vị | Trách nhiệm | Số bản | Ký nhận |
| 01 | Ban Lãnh đạo | Tổng Giám đốc | 01 | |
| 02 | | PTGD phụ trách Dệt Nhuộm | 01 | |
| 03 | | PTGD phụ trách Nội chính | 01 | |
| 04 | | PTGD phụ trách Khối May | 01 | |
| 05 | | GĐDH Kỹ thuật Đầu tư | 01 | |
| 06 | | Kế toán trưởng | 01 | |
| 07 | Phòng Điều hành May | Trưởng phòng | 01 | |
| 08 | Phòng KHXNK May | Trưởng phòng | 01 | |
| 09 | Phòng Kinh doanh | Trưởng phòng | 01 | |
| 10 | Phòng Kỹ thuật Đầu tư | Trưởng phòng | 01 | |
| 11 | Phòng Nhân sự | Trưởng phòng | 01 | |
| 12 | Phòng Quản lý Chất lượng | Trưởng phòng | 01 | |
| 13 | Phòng Tài chính Kế toán | Trưởng phòng | 01 | |
| 14 | Nhà máy Sợi | Giám đốc | 01 | |
| 15 | Nhà máy Dệt Nhuộm | Giám đốc | 01 | |
| 16 | Nhà máy May 1 | Giám đốc | 01 | |
| 17 | Nhà máy May 2 | Giám đốc | 01 | |
| 18 | Nhà máy May 3 | Giám đốc | 01 | |
| 19 | Xí nghiệp Cơ Điện | Giám đốc | 01 | |
| 20 | Trạm Y tế | Trưởng trạm | 01 | |
| 21 | Ban Bảo vệ | Trưởng ban | 01 | |
| 22 | Ban Đời sống | Trưởng ban | 01 | |
| 23 | Cửa hàng KDGTSP | Trưởng Cửa hàng | 01 | |
| 24 | Công đoàn | Chủ tịch | 01 | |

Quá trình thay đổi

| Ngày hiệu lực | Nội dung thay đổi | Soát xét |
|----------------------|-------------------------------------|-----------------|
| 01/7/2014 | | 00 |
| 01/8/2017 | Bổ sung, sửa đổi điều 17 và điều 18 | 01 |

| Soạn thảo | Phê duyệt |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | TỔNG GIÁM ĐỐC  |
| Đoàn Tư | Nguyễn Bá Quang |
| Ngày tháng 07 năm 2017 | Ngày tháng 07 năm 2017 |



A. Mục đích

Quy chế này nhằm giúp cho mọi thành viên trong Công ty biết được những quy định về công tác quản lý tài chính của Công ty; tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

B. Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp;
2. Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp;
3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May Huế;
4. Tài liệu hệ thống quản lý chất lượng Công ty theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
5. Các văn bản pháp luật Nhà nước khác có liên quan đang được áp dụng.

C. Nội dung

CHƯƠNG I **NIỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định công tác quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (sau đây gọi tắt là Công ty), quản lý vốn của Công ty Cổ phần Dệt May Huế vào các doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là Quy chế tài chính).

2. Ngoài những quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với các quy định khác của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tài sản Công ty bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn và các loại tài sản cố định khác); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác) mà Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.

2. Vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

3. Vốn huy động của Công ty là số vốn của Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, cổ phiếu, vay của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.



4. **Vốn tích lũy** là số vốn của Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty là việc sử dụng vốn của Công ty dưới các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo toàn, phát triển vốn, tăng thu nhập cho Công ty.

6. Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty không nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối (bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ tại Công ty góp vốn).

7. Đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, ban quản lý dự án do Công ty thành lập và không có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

8. Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác là người được Hội đồng quản trị Công ty đề cử hoặc tham gia vào cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

9. Vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị của những tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty được Công ty đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác; giá trị cổ phần của Công ty trong Công ty con, Công ty liên kết; do Công ty tự huy động để đầu tư vào doanh nghiệp khác được dùng (một phần hoặc toàn bộ) để tái đầu tư tại các doanh nghiệp này; và các loại vốn khác thu quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Trong hoạt động tài chính, Công ty phải tuân thủ Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý phần vốn của nhà nước đầu tư vào Công ty.

CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY.

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là số vốn do tất cả các Cổ đông góp hoặc cam kết góp, được ghi trong Điều lệ Công ty.

2. Vốn điều lệ của Công ty phải được quản lý, kế toán theo Điều lệ và pháp luật.

a) Số tiền, hình thức và thời gian góp vốn của các cổ đông phải được phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời trong sổ cổ đông của Công ty.

b) Toàn bộ số vốn được góp của các cổ đông phải được xác nhận bằng sổ cổ đông có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng bằng dấu của Công ty.

c) Số vốn góp phải được hạch toán kịp thời đúng quy định trong các khoản kế toán có liên quan.

3. Trong quá trình kinh doanh, Công ty có quyền điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 5. Huy động vốn

1. Công ty được huy động vốn của mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ nhu cầu kinh doanh, hình thức và thủ tục huy động vốn theo quy định của



a) Thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính, sử dụng vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Kịp thời xử lý giá trị tổn thất, các khoản nợ không thu được và trích lập các khoản dự phòng theo quy định hiện hành gồm: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng trợ cấp mất việc làm và thôi việc.

2. Đối với nguồn vốn bị tổn thất và công nợ khó đòi, bộ phận liên quan trực tiếp xác định nguyên nhân, quy kết rõ trách nhiệm tập thể hay cá nhân gây ra để có phương án xử lý trình Tổng Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và pháp luật về việc thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn chủ sở hữu nêu trên. Định kỳ báo cáo, đánh giá về mức độ bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, phân tích các khoản làm mất vốn và có khả năng làm mất vốn. Tổng Giám đốc quyết định cụ thể việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 9. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được sử dụng vốn và tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân theo các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập.

2. Các hình thức đầu tư vốn ra ngoài Công ty:

a) Góp vốn để thành lập Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty hợp danh, Công ty liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Mua cổ phần hoặc góp vốn để hưởng cổ tức của các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty liên doanh, Công ty hợp danh.

c) Mua lại một Công ty khác.

d) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Trên cơ sở chiến lược phát triển, Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất các phương án đầu tư vào doanh nghiệp khác trong kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư vốn ra ngoài Công ty: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng Quản trị quyết định việc thành lập mới doanh nghiệp có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty, các dự án đầu tư vào doanh nghiệp và các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty với giá trị đến dưới 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.

5. Công ty không đầu tư vào hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc



pháp luật. Việc vay vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phải đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ gốc và lãi cho chủ nợ theo cam kết.

2. Thẩm quyền huy động vốn dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền theo quy định tại Điều lệ và theo sự ủy quyền, phân cấp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp tài sản cố định theo phân cấp, căn cứ vào kế hoạch đầu tư có quyền quyết định hợp đồng vay để thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

4. Tổng Giám đốc và người được phân cấp, ủy quyền, trong phạm vi ủy quyền của mình, được phép vay vốn lưu động ngân hàng và các tổ chức tín dụng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý

1. Tổng Giám đốc được quyền chủ động sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn, quỹ của Công ty vào hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ các khoản vốn huy động mà Công ty đã cam kết mục đích sử dụng vốn. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan đến Công ty như các cổ đông, chủ nợ, khách hàng, người lao động...

2. Trường hợp Tổng Giám đốc sử dụng các quỹ do Công ty quản lý khi nhân rồi, khác với mục đích sử dụng quỹ đã quy định thì Tổng Giám đốc phải đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng nhu cầu chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 7. Quản lý các khoản nợ phải trả

1. Nội dung công tác quản lý nợ phải trả:

a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả bao gồm cả các khoản lãi phải trả. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết.

b) Thường xuyên xem xét, đánh giá phân tích khả năng thanh toán của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, tránh để để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

c) Kiểm kê, đối chiếu các khoản công nợ với chủ nợ, đồng thời tiến hành đánh giá phân loại nợ theo quy định hiện hành để kịp thời phát hiện các khoản nợ quá hạn, phân tích rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

d) Xử lý hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo quy định của Nhà nước.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức công tác quản lý công nợ phải trả và quyết định các biện pháp xử lý công nợ theo nợ tồn đọng.

Điều 8. Bảo toàn vốn

1. Việc bảo toàn vốn tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:



chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng Công ty.

Điều 10. Nhượng bán phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác. Thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng này như quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Quy chế này.

2. Đối với vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác, việc chuyển nhượng, bán số vốn đầu tư của Công ty theo điều lệ của Doanh nghiệp này. Việc chuyển nhượng cổ phần hay số vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác thực hiện theo giá thị trường.

CHƯƠNG III
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Điều 11. Tài sản của Công ty

Tài sản của Công ty bao gồm tài sản lưu động, các khoản đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn khác. Công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu của Công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 12. Quản lý vốn bằng tiền

Công ty quản lý tập trung vốn bằng tiền thông qua hệ thống tài khoản tập trung của Công ty. Các đơn vị trực thuộc phải tham gia hệ thống tài khoản tập trung theo quy định của Công ty.

Điều 13. Tài sản cố định, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp và sửa chữa tài sản cố định: Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo Tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất. Hội đồng quản trị có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các dự án lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng quản trị thì Đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Việc đầu tư mua sắm tài sản phải có hoặc đảm bảo có nguồn vốn dài hạn tài trợ; Công ty không được đầu tư mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn ngắn hạn hoặc chiếm dụng ngắn hạn. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo đúng quy trình theo hướng dẫn của pháp luật, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các dự án đầu tư, sửa chữa.

4. Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu các vật liệu khác để phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Điều 14. Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định



QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

KMH: TCKT-QC-02
Ngày hiệu lực: 01/8/2017
Lần soát xét: 01
Trang số: 7 / 16

1. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty (bao gồm tài sản cố định không cần dùng, chưa dùng, chờ thanh lý) đều phải được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo quy định hiện hành. Đối với tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động kinh doanh thì không phải trích khấu hao nữa.
2. Căn cứ tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty, Phòng Tài chính Kế toán xác định tỷ lệ, mức khấu hao tài sản cố định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao phản ánh thời gian hữu dụng của các tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao không theo thấp hơn tỷ lệ khấu hao tối thiểu hoặc cao hơn tỷ lệ khấu hao tối đa theo các quy định của pháp luật và phải được đăng ký với cơ quan thuế địa phương.
3. Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát, phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường. Tổng Giám đốc quyết định mức bồi thường.
4. Kế toán Trưởng Công ty có trách nhiệm theo dõi hạch toán kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm, đầu tư xây dựng cơ bản, trích khấu hao theo chuẩn mực kế toán và quy định hiện hành.

Điều 15. Sử dụng tài sản của Công ty làm biện pháp bảo đảm

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có quyền quyết định sử dụng tài sản tương ứng làm biện pháp đảm bảo.
2. Việc sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 16. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1. Tổng Giám đốc có quyền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.
2. Việc thanh lý tài sản phải được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế của Công ty ban hành.
3. Công ty thành lập Hội đồng thanh lý có đủ thành phần theo quy định của pháp luật để tham mưu cho Tổng Giám đốc thực hiện công tác thanh lý tài sản đúng quy trình, quy định của pháp luật và có hiệu quả. Thông báo công khai, xác định giá trị thu hồi và tổ chức đấu giá theo quy định của Nhà nước. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu do nhượng bán tài sản cố định, các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang với giá trị còn lại của tài sản, chi phí đầu tư tài sản cố định dở dang và chi phí nhượng bán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 17. Quản lý hàng tồn kho

1. Việc quản lý hàng tồn kho phải theo quy định hiện hành của Nhà nước và tài liệu hệ thống quản lý chất lượng của Công ty theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển hoặc kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật để thu hồi vốn.
3. Cuối kỳ kế toán, nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị dự kiến thu hồi thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.



Điều 18. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Trách nhiệm Tổng Giám đốc trong quản lý nợ phải thu:

Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành quy định quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ. Tổng Giám đốc quyết định mức bồi thường thiệt hại, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân liên quan.

2. Trách nhiệm của Kế toán trưởng trong quản lý nợ phải thu:

Kế toán Trưởng có trách nhiệm kế toán các khoản nợ phải thu theo chuẩn mức kế toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Kiểm kê, đối chiếu các khoản phải thu với khách nợ; phân loại nợ, xác định các khoản nợ khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xác định nguyên nhân, trách nhiệm các cá nhân, tập thể báo cáo Tổng Giám đốc xử lý. Tiêu thức xác định nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu May:

a) Đối với khách hàng mới, Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu May tổ chức đánh giá năng lực của người mua, lập phương án đề xuất Tổng Giám đốc quyết định.

b) Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu May và những người được giao nhiệm vụ bán hàng chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi và thực hiện thu hồi công nợ từ khi phát sinh nghiệp vụ đến khi khách hàng thanh toán hết nợ.

c) Định kỳ 6 tháng, Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu May tổ chức đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và khả năng chấp hành các cam kết thanh toán công nợ của người mua, có văn bản báo cáo Tổng Giám đốc, đồng thời gửi đến Phòng Tài chính kế toán để phối hợp theo dõi, đôn đốc thu nợ.

d) Khi một khách hàng (người mua) có dự nợ phải thu quá hạn liên tục trong 2 tháng, người bán hàng trực tiếp phải có văn bản báo cáo Tổng Giám đốc cụ thể từng món nợ, giá trị, thời hạn chậm thanh toán và đề xuất giải pháp thu hồi và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Tổng Giám đốc công ty.

4. Đối với Cửa hàng Kinh doanh và Giới thiệu sản phẩm:

Trưởng Cửa hàng phải trực tiếp chịu trách nhiệm về các khoản công nợ phát sinh trong quá trình mua bán sản phẩm, hàng hóa. Tiền bán hàng phải nộp về hết Công ty trong ngày. Có thể chuyển nộp vào ngày sau liền kề đối với số tiền thu nhỏ hơn 5 triệu đồng tại Cửa hàng số 175 Trần Hưng Đạo, thành phố Huế và 2 triệu đồng đối với Cửa hàng tại Công ty.

5. Tổng Giám đốc được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả nợ thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

6. Đối với nợ không có khả năng thu hồi, đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật và tiếp tục tổ chức thu hồi. Kế



toán công ty phải theo dõi nợ khó đòi đã xử lý và số tiền thu hồi được hạch toán theo quy định của Vụ Chế độ Kế toán - Bộ Tài Chính.

Điều 19. Kiểm kê tài sản

1. Hàng năm, các đơn vị tổ chức kiểm kê định kỳ vào thời điểm cuối ngày 31/12, xác định số lượng, chất lượng, nhu cầu sử dụng của tất cả các tài sản cố định, công cụ dụng cụ, nguyên, nhiên, vật liệu, thành phẩm, hàng hóa theo thông báo, hướng dẫn của Nhà nước và Tổng Giám đốc Công ty.

2. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

3. Phòng Tài chính Kế toán tổ chức thực hiện, tổng hợp, đánh giá kết quả và xử lý chênh lệch giữa sổ sách với thực tế theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 20. Xử lý tài sản tổn thất

1. Tài sản tổn thất bao gồm tài sản mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu lỗi mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất.

2. Công ty phải xác định trị giá tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

a) Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

c) Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Điều 21. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu Công ty.

c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN

Điều 22. Doanh thu

1. Doanh thu và thu nhập khác của Công ty bao gồm toàn bộ số tiền đã thu, sẽ thu được do việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

a) Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường gồm: Doanh thu từ bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ; Các khoản phí thu thêm



QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

KMH: TCKT-QC-02
Ngày hiệu lực: 01/8/2017
Lần soát xét: 01
Trang số: 10 / 16

ngoài giá bán: trợ giá, phụ thu, phụ trội... mà Công ty được hưởng; Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho thuê tài sản, tiền lãi cho vay vốn, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư ra ngoài của Công ty; Thu lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; Chênh lệch do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

c) Thu nhập khác gồm: các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, các khoản phải trả nay mất chủ; tiền bảo hiểm được bồi thường; tiền nộp phạt của khách hàng vi phạm hợp đồng; giá trị quà nhận biếu, quà tặng; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, khoản nợ không có khả năng thu hồi đã xử lý nay thu hồi được và các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập.

2. Công ty được sử dụng toàn bộ doanh thu thuần, thu nhập khác để bù đắp các chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

3. Tiêu chuẩn xác định doanh thu, thu nhập khác căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các quy định của Nhà nước.

4. Kế toán Trưởng Công ty thực hiện kế toán doanh thu và thu nhập theo quy định hiện hành. Tổ chức kế toán quản trị theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập khác theo loại hình dịch vụ, hợp đồng, đáp ứng cung cấp kịp thời thông tin cho việc quản lý điều hành Công ty.

5. Tổng Giám đốc xây dựng quy trình cụ thể về nội dung tài liệu, chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo doanh thu của Đơn vị được tính đúng, đủ và kịp thời.

Điều 23. Chi phí hoạt động kinh doanh

1. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh và chi phí hoạt động khác.

2. Việc xác định, kế toán chi phí sản xuất kinh doanh để tính lãi (lỗ) tài chính và thu nhập chịu thuế trong năm tài chính căn cứ vào các chuẩn mực kế toán và các quy định về luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn gốc đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành như:

a) Chi phí mua sắm, xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của các khoản đầu tư xây dựng phát sinh trước thời điểm đưa công trình vào sử dụng;

c) Các khoản chi khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh Công ty mà do cá nhân gây ra.



Điều 24. Quản lý chi phí

1. Các khoản chi tiếp khách, hội họp, giao dịch đối ngoại, chi phí công tác, sử dụng ô tô, chi phí điện thoại... phải có chứng từ hợp lệ, hợp pháp và gắn với kết quả kinh doanh.
2. Các khoản chi phí mua ngoài như nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu, cơ kiện phụ tùng các vật tư và hàng hóa khác phải căn cứ vào nhu cầu. Giá cả được lựa chọn trên cơ sở tham khảo giá cả của thị trường trước khi mua, có chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về các khoản chi. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền và phân cấp cho cá nhân trong đơn vị được quyết định các khoản chi phí. Nội dung phân cấp, ủy quyền được Tổng Giám đốc quyết định bằng văn bản. Người được ủy quyền hoặc phân cấp chịu trách nhiệm về các khoản chi trước pháp luật và Tổng giám đốc.
4. Đối với các khoản chi vượt định mức, sai quy định, cá nhân đề xuất và quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn. Việc bồi hoàn được thực hiện theo quyết định của Tổng Giám đốc.

Điều 25. Giá thành sản phẩm

1. Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hóa bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hóa bán ra); chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật.
2. Kế toán Trưởng tổ chức theo dõi chi tiết giá thành theo loại hình sản phẩm, dịch vụ, hợp đồng để lập báo cáo phân tích, cung cấp thông tin cho công tác quản lý của Công ty.

Điều 26. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác phát sinh từ Công ty, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các khoản đầu tư ra ngoài Công ty.
2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:
 - a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
 - b) Chênh lệch doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 27. Phân phối lợi nhuận

1. Công ty quản lý thống nhất toàn bộ lợi nhuận thực hiện sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Lợi nhuận thực hiện hàng năm của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp



được sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và phù hợp với Điều lệ của Công ty và các văn bản quy định của pháp luật.

Điều 28. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Quỹ khen thưởng dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty và tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty trước khi quyết định.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;

c) Trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

Việc quản lý, sử dụng Quỹ phúc lợi do Tổng Giám đốc Công ty quyết định. Những khoản chi quỹ phúc lợi liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động có tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty.

4. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty. Mức thưởng do Đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Quỹ đóng góp của cán bộ công nhân viên từ tiền lương hàng tháng: Tổng Giám đốc và Ban chấp hành Công đoàn thống nhất chi cho các hoạt động từ thiện như trợ cấp khó khăn, ủng hộ bảo lụt, thiên tai, ủng hộ các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác.

6. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được thực hiện công khai, dân chủ.

**CHƯƠNG V
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN,
THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN**

Điều 29. Chế độ kế toán

1. Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Chứng từ sổ sách kế toán (kể cả dữ liệu trong phần mềm kế toán) đảm bảo chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.



3. Các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng đồng Việt Nam, nếu có phát sinh bằng đồng ngoại tệ ải quy đổi ra đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Tổng Giám đốc hoặc theo quy định của luật pháp.

5. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực về kế toán của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

Điều 30. Báo cáo tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.

2. Báo cáo tài chính của Công ty, đơn vị trực thuộc và các báo cáo, tài liệu bổ trợ khác được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

3. Trước thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính của Công ty để Hội đồng quản trị thông qua.

4. Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng và gửi tới các cơ quan quản lý, đơn vị liên quan theo quy định hiện hành.

5. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

Điều 31. Kiểm toán

1. Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng Giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng Quản trị.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán độc lập theo quy định.

3. Việc kiểm toán Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 32. Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Công ty thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu vốn với số vốn đầu tư tại các Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu vốn (hoặc là cổ đông, hoặc là người góp vốn) và việc cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty này. Tổng Giám đốc và người đại diện



**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ**

KMH: TCKT-QC-02
Ngày hiệu lực: 01/8/2017
Lần soát xét: 01
Trang số: 14 / 16

phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo hàng quý và hàng năm cho Hội đồng Quản trị tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

3. Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại doanh nghiệp khác (dưới 5% vốn điều lệ Công ty góp vốn) thì Công ty không cần phải cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này, Tổng Giám đốc phải tổ chức theo dõi số vốn đầu tư và số lợi tức được chia từ phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp này và phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp khác.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

1. Quyền, nghĩa vụ của người đại diện tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được quy định trong Điều lệ của doanh nghiệp đó và quy định của Công ty.

Khi được ủy quyền thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng thành viên, họp các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Công ty.

2. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp. Định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo cho Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ Công ty giao.

3. Người đại diện tham gia cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu đề xuất phương hướng biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Ban Giám đốc, trong Hội đồng Quản trị, trong Đại hội đồng cổ đông hay trong cuộc họp hội đồng thành viên hay bên liên quan như: phương hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, huy động thêm cổ phần, vốn góp, phương án xử lý lỗ, chi cổ tức, các giao dịch có giá trị lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp, việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp thì người đại diện phải xin ý kiến của Công ty trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý điều hành của doanh nghiệp khác nhau thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến trước khi phát biểu và biểu quyết.

4. Người đại diện tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó theo mục tiêu định hướng của Công ty.

5. Người đại diện yêu cầu, đơn đốc doanh nghiệp chuyển phần lợi tức được chia về Công ty kịp thời.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp và Công ty giao.

7. Chịu trách nhiệm trước Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.



8. Hội đồng Quản trị Công ty phân cấp cho người đại diện vốn của Công ty quyết định các dự án đầu tư theo các quyết định phân cấp cụ thể phù hợp với các quy định của Pháp luật và của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Điều 34. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện tham gia Ban quản lý, Điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ của doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.

2. Người đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.

3. Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, tiền thưởng cả hai nơi.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ TÀI CHÍNH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 35. Mối quan hệ giữa Công ty và các Công ty liên kết

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các Công ty này.

2. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty và các Công ty liên kết được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế.

Điều 36. Mối quan hệ giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ tài sản của đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện các chế độ hạch toán kế toán tập trung. Kết quả hoạt động của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong báo cáo tài chính của Công ty.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc:

a) Hạch toán phụ thuộc theo phân cấp tại quy chế này, con dấu, được mở tài khoản chính tiền gửi tại một ngân hàng trong nước phù hợp với hệ thống tài khoản tập trung của Công ty, có bản cân đối kế toán.

b) Được Công ty ủy quyền quản lý vốn và tài sản đơn vị, thực hiện các quyết định của Công ty về điều chỉnh vốn và các nguồn lực trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô tổ chức sản xuất, dịch vụ và kế hoạch Công ty giao. Đơn vị chịu trách nhiệm trước Công ty về bảo toàn và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản tại đơn vị.

c) Được chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ, kế hoạch được Công ty giao.

d) Được quyền ký các hợp đồng kinh tế và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ theo phân cấp, hoặc ủy quyền của Công ty.

e) Hàng năm, lập kế hoạch chi tiết về doanh thu, chi phí, đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tình hình sản



**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ**

KMH: TCKT-QC-02
Ngày hiệu lực: 01/8/2017
Lần soát xét: 01
Trang số: 16 / 16

xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm, hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ trình Công ty xem xét phê duyệt.

f) Đơn vị quản lý, theo dõi doanh thu, chi phí phát sinh theo quy định của Nhà nước và Quy chế này. Thẩm quyền duyệt chi được Công ty phân cấp cụ thể cho từng đơn vị phù hợp với đặc thù và tình hình sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ của đơn vị.

g) Các khoản chi phí đơn vị chi theo các định mức, quy định của Công ty và chế độ tài chính hiện hành. Đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện quy trình kế toán thanh toán để quản lý tốt quá trình tập hợp chứng từ, kiểm tra, trình duyệt và thanh toán các khoản chi phí của đơn vị.

h) Đơn vị có trách nhiệm kế toán đầy đủ các khoản doanh thu và chi phí thực hiện phát sinh ở đơn vị theo quy định và được phản ánh tập trung ở Công ty.

i) Đơn vị chịu sự điều động của Công ty về tài sản và nguồn vốn.

4. Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị trực thuộc, đồng thời đơn vị sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí sử dụng vốn (theo quy định của Công ty) và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đơn vị được hưởng quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy chế sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

5. Các đơn vị chịu sự kiểm tra, thanh tra tài chính và kiểm toán của Công ty và các cơ quan tài chính có thẩm quyền.

**CHƯƠNG VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tài chính này bao gồm 8 chương 37 điều. Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các quy định tại Quy chế này.

2. Ngoài các quy định tại Quy chế này, Công ty thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

3. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt trên cơ sở kiến nghị của Tổng Giám đốc Công ty./.